

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN-BỘ THƯƠNG
MẠI-TỔNG CỤC HẢI
QUAN
Số: 06/TTLB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 1996

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn bổ sung và sửa đổi một số vấn đề xung quanh việc thực hiện
thông tư liên bộ số 01/TT-LB ngày 22-12-1995
về xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản**

Ngày 22/12/1995, Liên bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thương mại, Tổng cục Hải quan đã ban hành Thông tư số 01/TTLB hướng dẫn thi hành quyết định 664/TTg ngày 18/10/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản.

Qua hơn ba tháng thực hiện Thông tư 01/TTLB, việc xuất nhập khẩu gỗ, sản phẩm gỗ và lâm sản đã được quản lý chặt chẽ. Tuy nhiên cũng còn có những quy định cần được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế quản lý xuất nhập khẩu.

Liên bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thương mại, Tổng cục Hải quan đã họp và thống nhất bổ sung, sửa đổi một số điểm của Thông tư Liên bộ số 01/TTLB nêu trên như sau:

1. Về xác nhận nguồn gốc nguyên liệu hợp pháp khi làm thủ tục tại hải quan (điểm 4, mục IV trang 5), được sửa đổi và bổ sung như sau:

a) Đối với gỗ rừng tự nhiên trong nước:

a.1- Gỗ thông thường: không cần có xác nhận của kiểm lâm địa phương, nhưng phải có:

Hợp đồng mua bán gỗ hoặc biên bản trúng thầu hoặc biên bản nghiệm thu gỗ tròn của kiểm lâm địa phương.

Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (do Bộ Tài chính phát hành).

a.2- Gỗ quý hiếm: phải có xác nhận của Chi cục Kiểm lâm địa phương nơi khai thác gỗ, và hoặc nơi doanh nghiệp trú đóng về nguồn gốc gỗ hợp pháp.

a.3- Trường hợp mua lại gỗ tận dụng và hoặc gỗ phế liệu đã qua chế biến (tức là gỗ đã qua nhập xưởng) thì ngoài hợp đồng mua bán và hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (do Bộ Tài chính phát hành) doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản cho Kiểm lâm sở tại (cấp Chi cục) biết ít nhất một ngày trước khi đưa vào sản xuất để Chi cục Kiểm lâm kiểm tra xác nhận, và sau 1 ngày kể từ khi nhận báo cáo nếu Chi cục Kiểm lâm không đến kiểm tra thì doanh nghiệp vào sổ Kiểm lâm (sổ nhập) và được phép sản xuất.

b) Đối với gỗ rừng trồng, gỗ vườn:

b.1- Gỗ rừng trồng của quốc doanh, chỉ cần có:

Hợp đồng mua bán gỗ.

Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho (do Bộ Tài chính phát hành).

b.2- Gỗ rừng trồng của dân, tập thể, cây phân tán... chỉ cần có:

Xác nhận của UBND xã sở tại và nộp thuế theo quy định hiện hành (biên lai thu thuế sử dụng đất).

b.3- Gỗ vườn: Chỉ cần có xác nhận của UBND xã sở tại và nộp thuế theo quy định hiện hành (biên lai thu thuế sử dụng đất) nhưng khối lượng không quá 50m³ gỗ tròn cho mỗi hộ dân.

c) Gỗ nhập khẩu: thực hiện đúng quy định tại mục VI, Thông tư liên bộ số 01/TTLB ngày 22/12/1995.

Gỗ nhập khẩu từ Campuchia và Lào có quy định riêng.

d) Đối với gỗ Cao su (trong nước).

d.1- Gỗ cao su của quốc doanh, chỉ cần có:

Bản sao biên bản thanh lý rừng, và hoặc:

Văn bản cam kết của doanh nghiệp là gỗ hợp pháp

d.2- Gỗ cao su của dân, tập thể, chỉ cần có xác nhận của UBND xã sở tại và nộp thuế theo quy định hiện hành (biên lai thu thuế sử dụng đất).